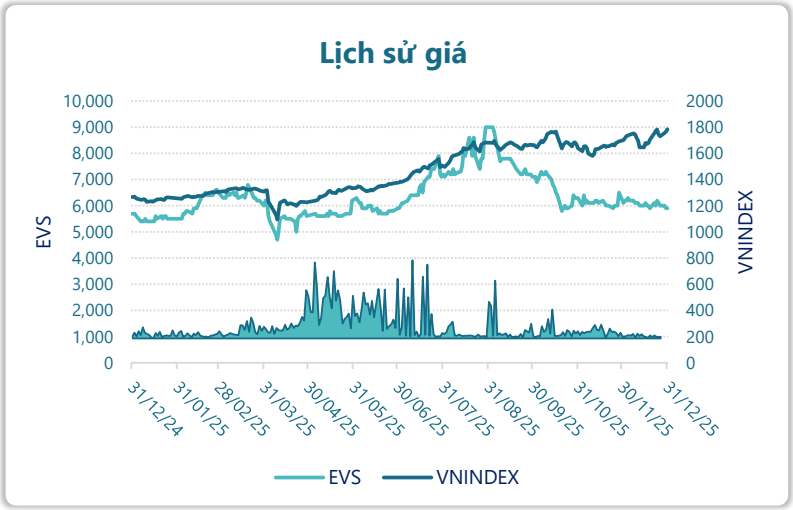
FireAnt

CTCP Chứng khoán EVS (HNX: EVS)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	164,800,618
KLGD BQ 20 phiên (CP)	135,880
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	972
P/E	80.4
EPS	73

DT thuần

Q4/25

2.85

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.78| -67.0%

YoY: ▼52.3| -94.8%

LN sau thuế

Q4/25

27.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.8| -37.9%

YoY: ▼7.70| -21.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1772%

+/- YoY: ▲ 1674%

DT thuần

2025

15.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼240| -93.9%

LN sau thuế

2025

123

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 38.3| 45.0%

ROE

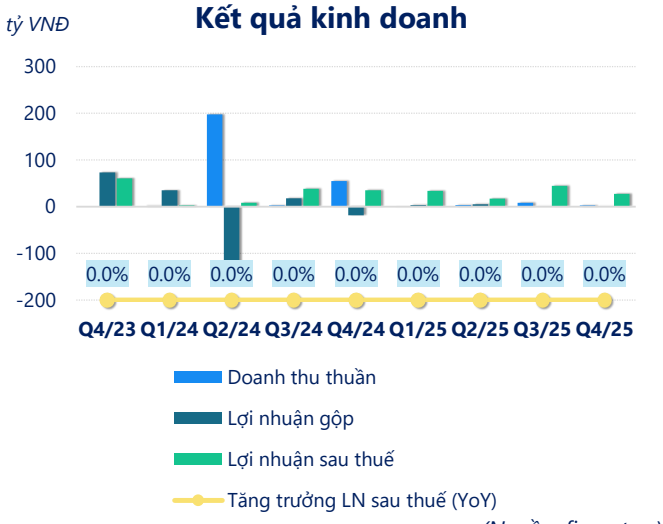
2025

#VALUE!

#VALUE!

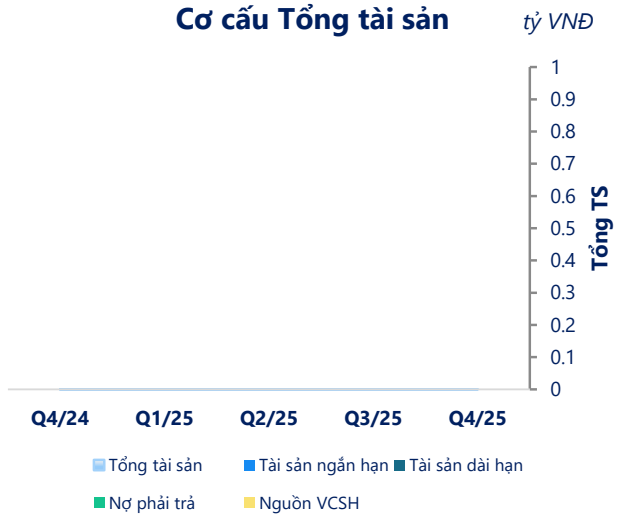
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



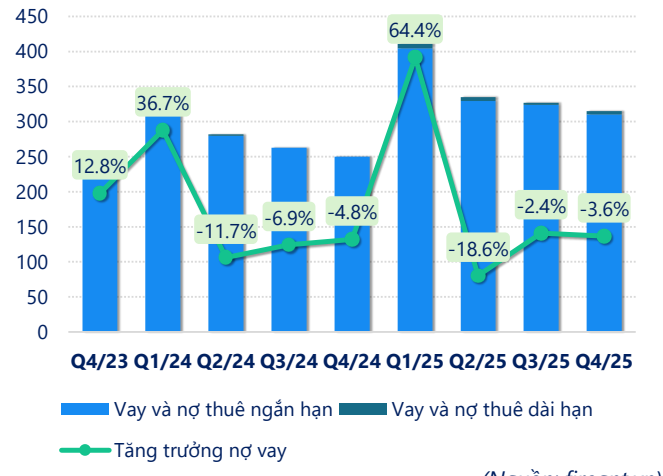
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



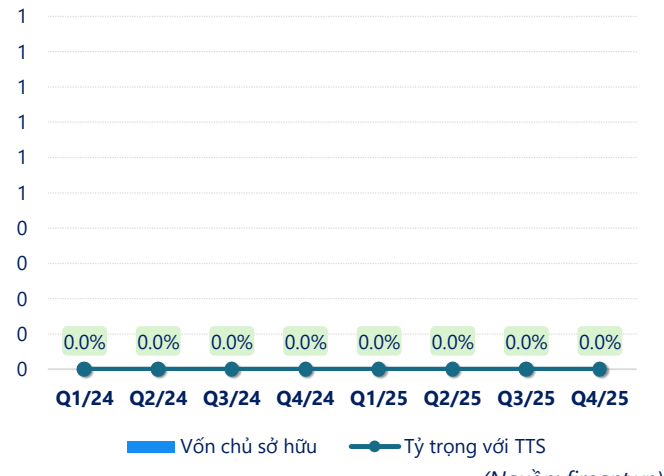
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



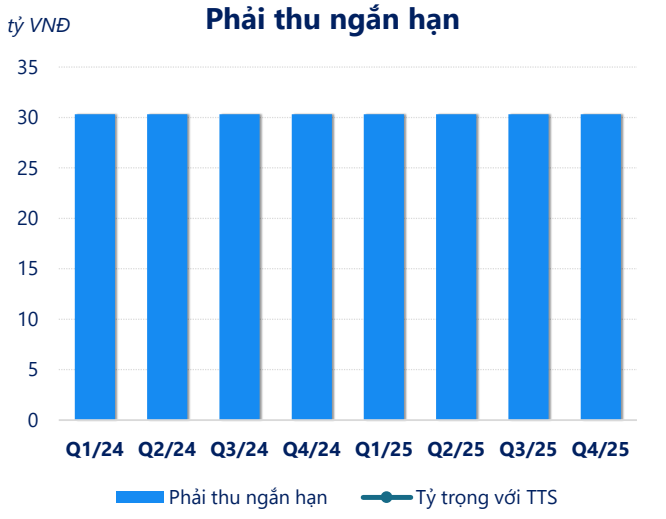
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



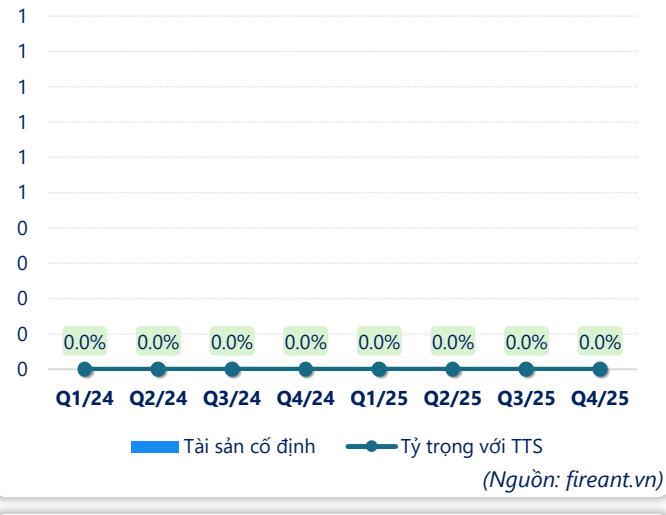
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



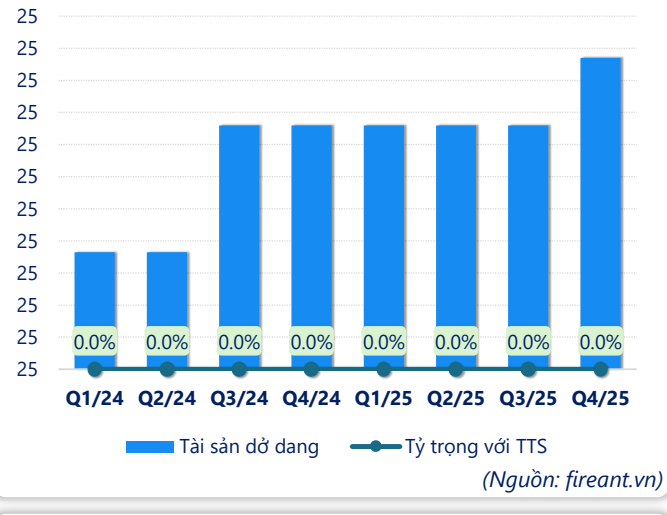
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



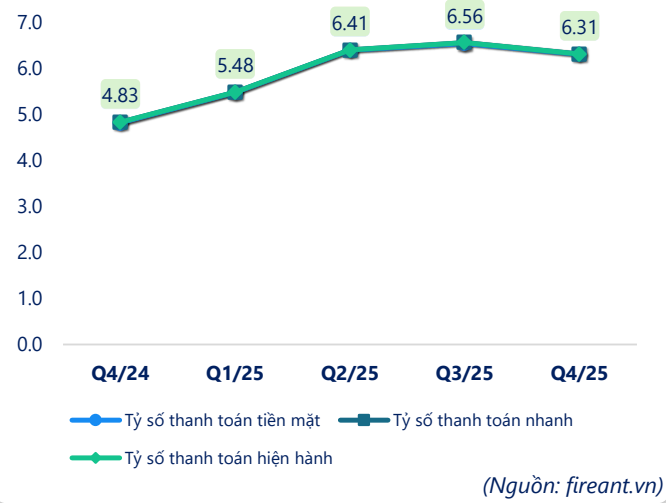
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



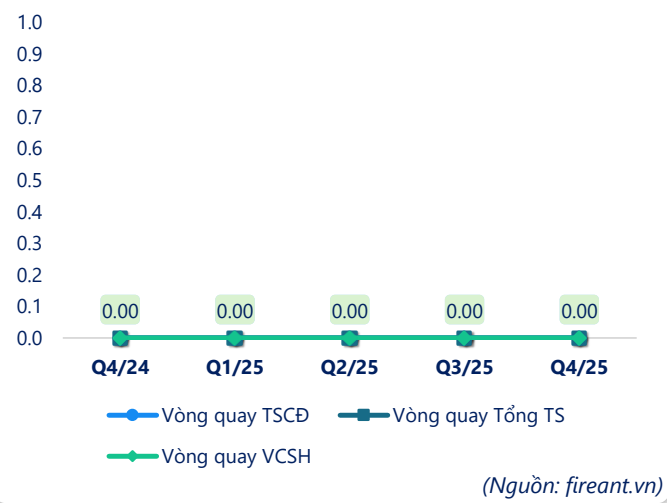
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Tài sản ngắn hạn	**2,413**	**2,361**	**2,277**	**2,272**	**2,298**
Tiền và tương đương tiền	2,407	2,358	2,273	2,265	2,296
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	40.0	0	0
Phải thu ngắn hạn	30.3	30.3	30.3	30.3	30.3
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**1.28**	**1.50**	**1.86**	**2.89**	**1.45**
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.07	0	0
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	25.3	25.3	25.3	25.3	25.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.85	3.05	2.47	2.54	2.55
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**499**	**437**	**361**	**349**	**369**
Nợ ngắn hạn	**499**	**431**	**355**	**346**	**364**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	250	405	329	324	310
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	6.36	5.46	2.64	4.60
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)